

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 02 – 2025
V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2024, về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Kha L, sinh năm 1979

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Ấp I, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 07/11/2024 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Kha L trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị L1 quen biết nhau và có tình cảm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2021, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, ngày 08/8/2009. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 03 người con chung tên là Lê Phước T, sinh ngày 03/8/2005, Lê Thị Anh T1, sinh ngày

09/11/2006 và Lê Thị Xuân T2, sinh ngày 01/9/2011, hiện nay cháu T2 đang sống chung với ông.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, tuy nhiên, gần đây hai bên bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung, nên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không hàn gắn được. Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa ông và bà L1 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- *Về hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị L1.

- *Về con chung*: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Xuân T2, sinh ngày 01/9/2011, không yêu cầu bà L1 cấp dưỡng nuôi con; Đối với hai con chung tên Lê Phước T, sinh ngày 03/8/2005, Lê Thị Anh T1, sinh ngày 09/11/2006, hiện nay đều trưởng thành, sống tự lập và phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Nguyên đơn vắng mặt, nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Kha L và bà Nguyễn Thị L1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 08/8/2009, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, ông L và bà L1 có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, nên đã sống ly thân từ năm 2018; đến thời điểm này, cả ông L và bà L1 cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L đối với bà L1.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông L và bà L1 có 03 người con chung là Lê Phước T, sinh ngày 03/8/2005, Lê Thị Anh T1, sinh ngày 09/11/2006, hiện nay đều trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; và cháu Lê Thị Xuân T2, sinh ngày 01/9/2011, hiện đang sống chung với ông L.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, các khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, cháu T2 có nguyện vọng sống với cha, người con chung này từ nhỏ đã được người cha chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người cha trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tranh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người mẹ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L, giao cháu Lê Thị Xuân T2, sinh ngày 01/9/2011, cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục hai người con chung này cho bà L1, không ai được ngăn cản.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông L đối với bà L1.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Buộc ông L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn, theo như nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- 1) Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Kha L được ly hôn với bà Nguyễn Thị L1.
- 2) Về con chung: Giao cho ông L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Xuân T2, sinh ngày 01/9/2012, đến đủ 18 tuổi; Bà L1 được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản. Còn hai cháu Lê Phước T, sinh ngày 03/8/2005, Lê Thị Anh T1, sinh ngày 09/11/2006, hiện nay đều trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết
- 3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông L đối với bà L1.
- 4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- 5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009081, ngày 29/11/2024, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách. Như vậy, ông L đã nộp xong án phí.
- 6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã Trinh Phú;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng